BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 59/2013/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2013*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với một số loại hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và gửi kho ngoại quan

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 07/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và gửi kho ngoại quan;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với một số loại hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và gửi kho ngoại quan như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn về thủ tục hải quan đối với một số loại hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan để chờ xuất sang nước khác qua các tỉnh biên giới phía Bắc.

2. Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu và đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan để chờ xuất sang nước khác qua các tỉnh biên giới phía Bắc quy định tại Thông tư này bao gồm:

a) Các mặt hàng quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 05/2013/TT-BCT ngày 18/02/2013 của Bộ Công Thương quy định về hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu một số loại hàng hóa (sau đây gọi tắt là Thông tư số 05/2013/TT-BCT).

b) Rượu, bia, thuốc lá điếu, xì gà và các mặt hàng là thực phẩm đông lạnh đưa từ nước ngoài; hàng hóa đã làm thủ tục hải quan theo loại hình kinh doanh tạm nhập tái xuất gửi vào kho ngoại quan để chờ xuất đi nước khác qua các tỉnh biên giới phía Bắc, trừ các loại hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thương nhân Việt Nam;

2. Chủ kho ngoại quan và chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan;

3. Cơ quan hải quan, cán bộ, công chức hải quan;

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG KINH DOANH TẠM NHẬP TÁI XUẤT

Điều 3. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất

Thủ tục hải quan đối với một số loại hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất quy định tại Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 37 Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Thông tư số 194/2010/TT-BTC) và Điều 46 Thông tư số 196/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Thông tư số 196/2012/TT-BTC) Ngoài ra, có một số nội dung được hướng dẫn bổ sung như sau:

1. Hồ sơ hải quan tạm nhập

Khi làm thủ tục hải quan tạm nhập ngoài những chứng từ như đối với hàng nhập khẩu thương mại thương nhân phải:

a) Đăng ký cửa khẩu tái xuất hàng hóa trên ô "ghi chép khác" của tờ khai hải quan.

b) Nộp hợp đồng xuất khẩu: 01 bản sao;

c) Nộp vận đơn đích danh (ghi rõ tên người nhận hàng) và không được chuyển nhượng, có ghi số giấy phép hoặc số giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất do Bộ Công Thương cấp: 01 bản sao (trừ hàng hóa tạm nhập qua cửa khẩu đường bộ);

d) Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất của Bộ Công Thương: 01 bản sao, xuất trình bản chính;

đ) Giấy phép tạm nhập tái xuất hàng hóa của Bộ Công Thương (đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng đã qua sử dụng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 05/2013/TT-BCT): 01 bản chính.

2. Hồ sơ hải quan tái xuất

Khi làm thủ tục tái xuất, ngoài những chứng từ như đối với hàng hóa xuất khẩu thương mại, người khai hải quan phải khai cụ thể hàng hóa tái xuất thuộc tờ khai tạm nhập nào trên ô "chứng từ đi kèm" của tờ khai hải quan.

3. Địa điểm làm thủ tục hải quan

Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này phải làm thủ tục hải quan tạm nhập, tái xuất tại cửa khẩu tạm nhập hàng hóa; Hàng hóa tái xuất được vận chuyển qua các cửa khẩu theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

Điều 4. Quản lý, giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất

1. Thời hạn hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất được phép lưu giữ tại Việt Nam

a) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất quy định tại Thông tư này được lưu tại Việt Nam không quá 45 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tạm nhập.

b) Trường hợp thương nhân cần kéo dài thời hạn lưu lại tại Việt Nam thì có văn bản đề nghị gửi Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục tạm nhập hàng hóa, lãnh đạo Chi cục Hải quan xem xét, chấp nhận ký, đóng dấu Chi cục trên văn bản đề nghị của thương nhân và trả lại thương nhân để làm thủ tục tái xuất hàng hóa; lưu hồ sơ hải quan 01 bản sao. Việc gia hạn được thực hiện 01 lần và không quá 15 ngày.

c) Quá thời hạn được phép lưu giữ tại Việt Nam thương nhân chỉ được tái xuất qua cửa khẩu tạm nhập trong vòng 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn được phép lưu giữ tại Việt Nam (không được phép tái xuất qua cửa khẩu khác cửa khẩu tạm nhập). Trường hợp không tái xuất được thì tịch thu và xử lý theo quy định; Trường hợp phải tiêu hủy thì chi phí tiêu hủy thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương về việc quản lý và sử dụng số tiền ký quỹ của thương nhân tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 05/2013/TT-BCT. Chi cục Hải quan cửa khẩu tạm nhập

chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với Chi cục Hải quan cửa khẩu tái xuất trong việc bàn giao, quản lý, giám sát và xử lý hàng hóa quá thời hạn lưu giữ tại Việt Nam.

2. Địa điểm lưu giữ

a) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất quy định tại Thông tư này phải lưu giữ trong khu vực cửa khẩu, khu vực cảng nội địa (ICD) hoặc kho ngoại quan thuộc khu vực cửa khẩu tạm nhập hoặc cửa khẩu tái xuất (đối với trường hợp đã hoàn thành thủ tục tái xuất).

b) Riêng hàng hóa là thực phẩm đông lạnh kinh doanh tạm nhập tái xuất đã hoàn thành thủ tục tạm nhập được phép lưu giữ tại các khu vực kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan của chính thương nhân đã được Bộ Công Thương cấp mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất.

3. Cửa khẩu tái xuất

Cửa khẩu tái xuất hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương tại Điều 11 Thông tư số 05/2013/TT-BCT.

4. Trường hợp thương nhân cần thay đổi cửa khẩu tái xuất đã ghi trên tờ khai xuất khẩu thì thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

5. Hàng hóa tạm nhập có thể được chia thành nhiều lô hàng để tái xuất, không cho phép chia nhỏ container trong suốt quá trình vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu tạm nhập đến khu vực giám sát của cơ quan hải quan tại cửa khẩu tái xuất.

Trường hợp do yêu cầu vận chuyển cần phải thay đổi hoặc chia nhỏ container để tái xuất, thì thương nhân có văn bản đề nghị trong đó nêu rõ lý do, thời gian thực bắt đầu và kết thúc việc thay đổi, chia nhỏ container để tái xuất; Chi cục trưởng hải quan nơi quản lý các địa điểm lưu giữ hàng hóa xem xét quyết định nếu hàng hóa, phương tiện đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Hàng hóa đang được lưu giữ tại các địa điểm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Container hoặc phương tiện vận tải hàng hóa phải đảm bảo điều kiện niêm phong giám sát hải quan;

c) Hàng hóa trong thời gian chuyển sang container hoặc phương tiện vận tải khác phải chịu sự giám sát trực tiếp của công chức hải quan.

Trong trường hợp chia nhỏ container tại cửa khẩu tái xuất để tái xuất thì không phải đảm bảo điều kiện quy định tại điểm b, khoản 5 Điều này.

6. Hàng hóa tái xuất đã hoàn thành thủ tục hải quan phải được tập kết đầy đủ tại khu vực cửa khẩu và tái xuất qua cửa khẩu trong thời hạn tám giờ làm việc kể từ khi hàng đến cửa khẩu xuất, trường hợp chưa thể xuất được hoặc chưa xuất hết, nếu thương nhân có văn bản đề nghị thì Chi cục trưởng hải quan cửa khẩu xuất

xem xét gia hạn để xuất khẩu hết trong các ngày kế tiếp, nhưng phải trong thời hạn lưu giữ tại Việt Nam.

Trong thời gian chờ tái xuất tiếp, hàng hóa phải được lưu giữ trong khu vực cửa khẩu (bao gồm cả địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu được Tổng cục Hải quan công nhận tại khu kinh tế cửa khẩu), khu vực cảng nội địa ICD hoặc kho ngoại quan thuộc khu vực cửa khẩu.

7. Giám sát hải quan đối với trường hợp hàng hóa tái xuất tại cửa khẩu khác

Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã làm xong thủ tục hải quan tái xuất, nhưng được vận chuyển đến cửa khẩu khác để thực xuất khẩu thực hiện như đối với hàng hóa xuất khẩu chuyển cửa khẩu theo hướng dẫn tại Thông tư số 194/2010/TT-BTC và Thông tư số 196/2012/TT-BTC. Ngoài ra, tại Thông tư này hướng dẫn bổ sung như sau:

a) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất được vận chuyển từ cửa khẩu tạm nhập đến cửa khẩu tái xuất không quá 5 ngày.

b) Trách nhiệm giám sát, quản lý từ cửa khẩu tạm nhập đến cửa khẩu tái xuất:

b.1) Trách nhiệm của Chi cục hải quan cửa khẩu tạm nhập:

b.1.1) Niêm phong hàng hóa và bộ hồ sơ hải quan chuyển đến hải quan cửa khẩu xuất.

b.1.2) Lập Biên bản bàn giao hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất (mẫu 01/BBBG-TNTX/2013 ban hành kèm theo Thông tư này): 03 bản, trong đó phải ghi đầy đủ các thông tin về thời gian xuất phát, tuyến đường và các thông tin khác làm căn cứ để Hải quan cửa khẩu xuất tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu, xử lý.

b.1.3) Giao cho người khai hải quan: 02 Biên bản bàn giao hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất; bộ hồ sơ hải quan và hàng hóa đã được niêm phong hải quan.

b.1.4) Fax Biên bản bàn giao hàng hóa cho Chi cục hải quan cửa khẩu xuất trước 17h hàng ngày để phối hợp theo dõi, quản lý, trường hợp có nhiều lô hàng được bàn giao cho cùng một Chi cục hải quan cửa khẩu xuất thì có thể lập thành Bảng thống kê biên bản bàn giao hàng hóa để fax.

b.1.5) Theo dõi thông tin phản hồi từ Chi cục hải quan cửa khẩu xuất. Trường hợp quá thời hạn vận chuyển hàng hóa đã ghi trên Biên bản bàn giao mà chưa nhận được thông tin phản hồi, Chi cục hải quan cửa khẩu tạm nhập báo cáo Cục trưởng Cục hải quan để tổ chức truy tìm lô hàng.

b.2) Trách nhiệm của Chi cục hải quan cửa khẩu tái xuất:

b.2.1) Kể từ khi nhận được thông tin hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất chuyển cửa khẩu theo Fax Biên bản bàn giao hoặc Bảng thống kê Biên bản bàn giao hàng hóa của Hải quan cửa khẩu tạm nhập, Chi cục hải quan cửa khẩu tái xuất

có trách nhiệm theo dõi thông tin các lô hàng vận chuyển đến cửa khẩu xuất theo Biên bản bàn giao hoặc Bảng thống kê Biên bản bàn giao.

b.2.2) Kiểm tra, đối chiếu tình trạng niêm phong hải quan và xác nhận thông tin trên Biên bản bàn giao sau khi thương nhân tập kết đủ lượng hàng tại khu vực cửa khẩu xuất, trình Lãnh đạo Chi cục ký xác nhận trên 02 Biên bản bàn giao và fax phản hồi thông tin lô hàng cho Chi cục hải quan cửa khẩu tạm nhập biết. Trường hợp có thông tin nghi vấn lô hàng tái xuất vi phạm pháp luật hải quan thì Chi cục trưởng Chi cục hải quan cửa khẩu tái xuất quyết định kiểm tra thực tế hàng hóa và xử lý kết quả kiểm tra như đối với hàng chuyển cửa khẩu.

b.2.3) Giám sát lô hàng từ khi tiếp nhận cho đến khi xuất hết và xác nhận kết quả giám sát hàng xuất khẩu trên tờ khai hải quan (ký tên, đóng dấu công chức và ghi rõ ngày, tháng, năm) và trình lãnh đạo Chi cục ký xác nhận (ký tên, đóng dấu và ghi rõ ngày, tháng, năm).

b.2.4) Trường hợp hết thời hạn vận chuyển hàng hóa nhưng hàng hóa chưa đến cửa khẩu tái xuất, trước 08 giờ sáng ngày làm việc tiếp theo, Chi cục hải quan cửa khẩu tái xuất có trách nhiệm phản ánh lại thông tin lô hàng vận chuyển không đúng thời gian đã đăng ký cho Chi cục hải quan cửa khẩu tạm nhập, phối hợp với Chi cục hải quan cửa khẩu tạm nhập trong việc truy tìm lô hàng.

b.3) Trách nhiệm của Đội Kiểm soát Hải quan:

Khi nhận được thông tin hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất vận chuyển không đúng tuyến đường, thời gian đã đăng ký, trong địa bàn hoạt động của mình, Đội Kiểm soát hải quan chịu trách nhiệm tổ chức truy tìm lô hàng theo đề nghị của Chi cục hải quan nơi đăng ký tờ khai, trường hợp ngoài địa bàn hoạt động thì báo cáo Cục Điều tra chống buôn lậu để phối hợp truy tìm lô hàng.

b.4) Trách nhiệm của thương nhân:

b.4.1) Vận chuyển hàng hóa đúng tuyến đường, thời gian đã được cơ quan hải quan xác nhận trên Biên bản bàn giao hàng hóa. Trường hợp vì lý do khách quan không thể vận chuyển hàng hóa đúng tuyến đường, thời gian thì thương nhân phải có văn bản thông báo cho Chi cục hải quan nơi đăng ký tờ khai và Chi cục hải quan cửa khẩu xuất biết để theo dõi, giám sát.

b.4.2) Bảo quản hàng hóa nguyên trạng niêm phong hải quan trong suốt quá trình vận chuyển. Trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố bất khả kháng làm thay đổi nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan thì thương nhân phải áp dụng các biện pháp để hạn chế tổn thất và báo ngay cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc Chi cục hải quan nơi gần nhất để lập biên bản xác nhận hiện trạng của hàng hóa.

8. Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này không được phép chuyển tiêu thụ nội địa. Trường hợp thương nhân tự ý chuyển tiêu thụ nội địa mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thủ tục thanh khoản, hoàn thuế hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 194/2010/TT-BTC. Ngoài ra, công chức thanh khoản tờ khai phải căn cứ vào Biên bản bàn giao hoặc Bảng thống kê Biên bản bàn giao có xác nhận của hải quan cửa khẩu xuất để thực hiện thanh khoản tờ khai tạm nhập.

10. Chế độ báo cáo

Định kỳ ngày 10 hàng tháng, Cục Hải quan tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo Tổng cục Hải quan tình hình làm thủ tục hải quan đối với hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất theo mẫu do Tổng cục Hải quan quy định.

Điều 5. Quản lý hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất gửi kho ngoại quan, cảng nội địa

1. Quy định chung

a) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất chỉ được gửi kho ngoại quan hoặc cảng nội địa nằm trong khu vực cửa khẩu nhập.

b) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất khi gửi kho ngoại quan, cảng nội địa thì thời hạn lưu giữ tại lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này, không được tính thêm thời hạn hàng hóa gửi kho ngoại quan.

c) Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất chỉ được gửi kho ngoại quan, cảng nội địa sau khi đã làm thủ tục tạm nhập hoặc đã làm thủ tục tái xuất, chờ thực xuất.

2. Quản lý hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất gửi kho ngoại quan.

a) Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đã làm thủ tục tạm nhập hoặc tái xuất gửi kho ngoại quan thực hiện như đối với hàng hóa từ nội địa đưa vào kho ngoại quan theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 55 Thông tư số 194/2010/TT-BTC. Riêng trường hợp hàng hóa đã làm thủ tục tạm nhập gửi kho ngoại quan, thương nhân phải nộp bổ sung bản sao, xuất trình bản chính tờ khai hải quan tạm nhập đã làm xong thủ tục hải quan (bản lưu người khai hải quan).

Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã làm thủ tục tạm nhập hoặc tái xuất vận chuyển từ cửa khẩu đến kho ngoại quan thực hiện như đối với hàng hóa chuyển cửa khẩu theo hướng dẫn tại Điều 57 Thông tư số 194/2010/TT-BTC.

b) Khi đưa hàng hóa từ kho ngoại quan ra cửa khẩu xuất, thương nhân phải làm thủ tục hải quan tái xuất trước khi làm thủ tục đưa hàng từ kho ngoại quan ra

nước ngoài. Việc giám sát hàng hóa vận chuyển từ kho ngoại quan ra cửa khẩu xuất thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 7 Điều 4 Thông tư này.

3. Quản lý hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất gửi tại cảng nội địa.

a) Thủ tục hải quan, giám sát hải quan đối với hàng hóa đã làm thủ tục tạm nhập hoặc tái xuất vận chuyển từ cửa khẩu nhập đến cảng nội địa thực hiện như đối với hàng hóa chuyển cửa khẩu theo hướng dẫn tại Điều 57 Thông tư số 194/2010/TT-BTC và Điều 19 Thông tư số 196/2012/TT-BTC.

b) Việc giám sát hàng hóa vận chuyển từ kho ngoại quan ra cửa khẩu xuất thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 7 Điều 4 Thông tư này.

Chương III
THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG KINH DOANH CHUYỂN KHẨU

Điều 6. Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu

Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa kinh doanh chuyển khẩu thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 38 Thông tư số 194/2010/TT-BTC.

Chương IV
THỦ TỤC HẢI QUAN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG GỬI KHO NGOẠI QUAN

Điều 7. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan để chờ xuất đi nước khác

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan để chờ xuất đi nước khác thực hiện như đối với hàng hóa đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan và từ kho ngoại quan đưa ra nước ngoài theo hướng dẫn tại khoản 1, khoản 3 Điều 55 Thông tư số 194/2010/TT-BTC. Ngoài ra, tại Thông tư này, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung như sau:

1. Hàng hóa quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư này chỉ được gửi tại các kho ngoại quan thuộc địa bàn quản lý của Chi cục hải quan cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu xuất;

2. Thương nhân có mã số của nhóm hàng hóa được gửi kho ngoại quan do Bộ Công Thương cấp theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2013/TT-BCT được đứng tên trên tờ khai hàng hóa nhập, xuất kho ngoại quan.

3. Khi làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan, chủ kho ngoại quan phải nộp vận đơn có ghi cụ thể tên, địa chỉ kho ngoại quan lưu giữ hàng hóa.

4. Hàng hóa đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan phải được kiểm tra thực tế; Hình thức, mức độ kiểm tra do Chi cục trưởng hải quan quyết định.

Điều 8. Quản lý hải quan đối với hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan

1. Thời hạn hàng hóa gửi kho ngoại quan

Hàng hóa quy định tại Thông tư này được gửi kho ngoại quan không quá 45 ngày kể từ ngày đưa hàng vào kho; trường hợp có lý do chính đáng và được sự đồng ý bằng văn bản của Cục trưởng Cục Hải quan thì được gia hạn một lần, nhưng tối đa không quá 15 ngày.

2. Giám sát hải quan

a) Hàng hóa gửi kho ngoại quan phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan trong thời gian vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam và lưu giữ trong kho ngoại quan tại Việt Nam.

b) Hàng hóa đưa vào kho ngoại quan tại khu vực khác cửa khẩu nhập hoặc đưa ra kho ngoại quan tại khu vực khác cửa khẩu xuất thì phải được niêm phong hải quan; việc bàn giao nhiệm vụ giám sát giữa hải quan cửa khẩu và hải quan kho ngoại quan phải thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo hàng hóa có vận chuyển vào, ra và lưu giữ tại kho ngoại quan; việc tổ chức theo dõi, phối hợp giám sát hải quan thực hiện như quy định đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất quy định tại Thông tư này và quy trình nghiệp vụ quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu của Tổng cục Hải quan.

c) Chủ hàng (chủ kho ngoại quan trong trường hợp được chủ hàng ủy quyền) chịu trách nhiệm vận chuyển đúng tuyến đường, thời gian, cửa khẩu đã đăng ký với cơ quan hải quan và bảo quản nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan;

3. Chế độ kiểm tra, báo cáo

Định kỳ ngày 05 của tháng sau, chủ kho ngoại quan phải báo cáo Cục Hải quan quản lý kho ngoại quan về tình hình hàng hóa đưa từ nước ngoài vào kho ngoại quan để chờ xuất đi nước khác (theo mẫu số 02/BC/KNQ ban hành kèm Thông tư này). Cục Hải quan tổng hợp, báo cáo Tổng cục Hải quan vào ngày 10 của hàng tháng.

4. Quản lý hàng xuất kho ngoại quan ra nước ngoài

a) Hàng hóa đưa từ kho ngoại quan ra nước ngoài phải thực xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đưa ra khỏi kho ngoại quan. Trường hợp đã xuất kho ngoại quan quá 15 ngày nhưng chưa thực xuất khẩu vì lý do khách quan, người khai hải quan có văn bản đề nghị, được lãnh đạo Chi cục hải

quan cửa khẩu xuất xác nhận, hàng hóa còn trong thời hạn gửi kho ngoại quan thì được gửi vào kho ngoại quan tại cửa khẩu xuất hoặc tại các địa phương biên giới lân cận để chờ làm thủ tục xuất. Thời hạn hàng hóa gửi kho ngoại quan được tính từ ngày hàng hóa đưa vào kho ngoại quan đầu tiên.

b) Giám sát hải quan vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu xuất đến kho ngoại quan thực hiện như đối với hàng hóa xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan vận chuyển đến kho ngoại quan để chờ xuất khẩu. Trong quá trình hàng hóa đưa từ cửa khẩu xuất đến kho ngoại quan đến khi kết thúc việc xuất kho, các Chi cục hải quan phải phối hợp trao đổi thông tin về tình trạng hàng hóa gửi kho ngoại quan.

Chương V
XỬ LÝ ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP TỪ CHỐI NHẬN HÀNG

Điều 9. Các trường hợp từ chối nhận hàng

1. Người nhận hàng ghi trên vận đơn được từ chối nhận hàng trong các trường hợp sau đây:

a) Các trường hợp hàng hóa không phù hợp với hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 39 Luật Thương mại.

b) Hàng hóa không phù hợp với hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc người gửi hàng không thực hiện đúng các điều khoản đã được quy định trong hợp đồng thuê kho ngoại quan.

2. Việc từ chối nhận hàng phải được thực hiện trước thời điểm đăng ký tờ khai hoặc thời điểm làm xong thủ tục hải quan tạm nhập hoặc thủ tục hải quan đưa hàng vào kho ngoại quan.

3. Không thừa nhận việc từ chối nhận hàng đối với hàng hóa có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Trường hợp cơ quan hải quan có căn cứ xác định hàng hóa do người nhận hàng ghi trên vận đơn từ chối nhận là hàng hóa buôn lậu thì hàng hóa đó bị xử lý như đối với hàng hóa buôn lậu.

Điều 10. Xử lý việc từ chối nhận hàng

1. Khi phát hiện người gửi hàng không thực hiện đúng các nội dung của hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng thuê kho ngoại quan nếu người nhận hàng từ chối nhận hàng thì nộp cho cơ quan hải quan bộ hồ sơ gồm:

a) Văn bản thông báo từ chối nhận hàng, trong đó nêu rõ lý do từ chối và đề xuất phương án xử lý (tái xuất, tiêu hủy hoặc tịch thu, bán đấu giá).

b) Chứng từ chứng minh việc người gửi hàng không thực hiện đúng các nội dung của hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng thuê kho ngoại quan.

c) Văn bản thông báo và đề nghị xử lý của người gửi hàng (nếu có).

Trường hợp người gửi hàng gửi nhầm địa chỉ thì người nhận hàng có văn bản thông báo từ chối nhận hàng gửi cơ quan hải quan.

2. Địa điểm thông báo từ chối nhận hàng

a) Trường hợp hàng hóa đang chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan tại cửa khẩu thì người nhận hàng thông báo cho Chi cục hải quan cửa khẩu.

b) Trường hợp hàng hóa đã vận chuyển đến kho ngoại quan thì người nhận hàng thông báo cho Chi cục hải quan quản lý kho ngoại quan.

3. Căn cứ bộ hồ sơ đề nghị của người nhận hàng, Chi cục hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục hải quan quản lý kho ngoại quan phối hợp với Đội Kiểm soát Hải quan kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng để tiến hành phân loại, xử lý theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều này.

4. Phân loại, xử lý

Việc phân loại, xử lý đối với hàng hóa do người nhận hàng ghi trên vận đơn từ chối nhận thực hiện như hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc xử lý hàng hóa bị từ bỏ, thất lạc, nhầm lẫn, quá thời hạn khai hải quan tại cảng biển mà chưa có người đến nhận quy định tại Điều 45 Luật Hải quan và hàng hóa không có người nhận khác. Ngoài ra, có một số nội dung hướng dẫn bổ sung như sau:

a) Trường hợp tái xuất.

Căn cứ bộ hồ sơ đề nghị của người nhận hàng, Chi cục hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục hải quan quản lý kho ngoại quan giám sát hàng hóa thực xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam ngay tại cửa khẩu nhập.

b) Đối với trường hợp xử lý tiêu hủy.

Cục Hải quan tỉnh, thành phố tổ chức tiêu hủy. Chi phí tiêu hủy được trích từ tiền ký quỹ của người nhận hàng hoặc do chủ kho ngoại quan chi trả.

c) Trường hợp tịch thu, bán thanh lý.

Cục Hải quan tỉnh, thành phố ra quyết định tịch thu và tổ chức bán thanh lý. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng, sau khi đã trừ đi các khoản chi phí theo quy định phải được nộp vào ngân sách nhà nước.

Chương VI
HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc làm thủ tục hải quan đối với các lô hàng thực phẩm đông lạnh kinh doanh tạm nhập tái xuất của thương nhân đã được cấp Giấy chứng nhận mã số

kinh doanh tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh theo quy định tại Thông tư số 21/2011/TT-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 05/2013/TT-BCT.

2. Đối với các lô hàng từ nước ngoài về đến cửa khẩu Việt Nam hoặc gửi kho ngoại quan trước ngày Thông tư này có hiệu lực được làm thủ tục đưa vào, đưa ra kho ngoại quan theo hướng dẫn tại Thông tư số 194/2010/TT-BTC.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào quy định tại Thông tư này hướng dẫn các đơn vị hải quan thực hiện thống nhất.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có phát sinh vướng mắc, cơ quan hải quan, người khai hải quan báo cáo, phản ánh cụ thể về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được xem xét, hướng dẫn giải quyết.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2013./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Mẫu 01/BBBG-TNTX/2013

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ BAN HÀNH VĂN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:…../BBBG-ĐVBH

BIÊN BẢN BÀN GIAO HÀNG HÓA KINH DOANH TẠM NHẬP - TÁI XUẤT

Hồi… giờ… phút, ngày… tháng… năm……..……...,

Chi cục Hải quan…….....……..…… bàn giao cho

Ông (bà)……..…….....

Đại diện của Công ty……..…….....

Lô hàng thuộc tờ khai/vận tải đơn số/ hợp đồng số:……..…….....

Để chuyển đến Chi cục Hải quan …….....….gồm:

1. Hồ sơ Hải quan

a) Tờ khai Hải quan tạm nhập: 01 bản sao;

b) Tờ khai hải quan tái xuất: 01 bản chính (bàn chủ hàng lưu), bản kê chi tiết (nếu có) và các chứng từ kèm theo lô hàng.

2. Hàng hóa

STT	Tên hàng	Lượng hàng	Số hiệu container/hàng rời	Số seal container	Số seal hải quan	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*

- Tình trạng container (đối với hàng đóng container)…….....
- Tình trạng hàng hóa (đối với hàng rời):…….....
- Tuyến đường vận chuyển từ……. đến…….…….....
  Chiều dài…….. km…….....
- Thời gian vận chuyển dự kiến:…….....
- Giờ xuất phát/giờ ra cổng:…….....
- Các vấn đề khác có liên quan đến hàng hóa và hồ sơ hải quan:…….....

Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau./.

CHI CỤC HQCK TÁI XUẤT	NGƯỜI KHAI HẢI QUAN	CHI CỤC HQCK TẠM NHẬP
(Ký, đóng dấu công chức)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu công chức)*

Mẫu 02/BC/KNQ

TÊN CHỦ KHO NGOẠI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:……/…

……..., ngày… tháng… năm….

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HÀNG HÓA GỬI KHO NGOẠI QUAN
(Số liệu báo cáo tính từ ngày…/…/… đến ngày…/…/…)

1. Số liệu hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan

Tên hàng	ĐVT	Từ nước ngoài đưa vào		Đưa ra nước ngoài		
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)	Cửa khẩu xuất
Rượu						
Bia						
Thuốc lá điếu						
Xì gà						
Thực phẩm đông lạnh						

2. Tình hình thanh lý hợp đồng thuê kho (Số lượng hợp đồng)

Tên hàng	Hợp đồng đăng ký mới của người gửi kho		Hợp đồng đã thanh lý		Chưa thanh lý	
	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài	Trong hạn	Quá hạn
Rượu						
Bia						
Thuốc lá điếu						
Xì gà						
Thực phẩm đông lạnh						

3. Tình hình vi phạm pháp luật hải quan

+ Tên Đơn vị vi phạm:

+ Hành vi vi phạm:

+ Hình thức xử phạt:

Nơi nhận:
- Cục Hải quan …
- Chi cục Hải quan (quản lý kho)…

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)